

Số: 48/ /QĐ-BĐD

Thanh Hoá, ngày 04 tháng 02 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

V/v điều chỉnh, phân bổ chỉ tiêu Kế hoạch tín dụng năm 2016
cho Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Thọ Xuân

TRƯỞNG BAN ĐẠI DIỆN HĐQT NHCSXH TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Quyết định số 131/2002/QĐ-TTg ngày 04/10/2002 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ngân hàng Chính sách xã hội;

Căn cứ Quyết định số 86/QĐ-NHCS ngày 10/01/2014 của Tổng Giám đốc NHCSXH quy định về việc xây dựng và tổ chức kế hoạch tín dụng trong hệ thống NHCSXH; Quyết định số 260/QĐ-NHCS ngày 28/01/2016 về việc giao chỉ tiêu kế hoạch tín dụng năm 2016;

Căn cứ Quyết định số 4051/QĐ-CT, ngày 04/12/2002 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh hóa về việc thành lập Ban Đại diện HĐQT NHCSXH tỉnh Thanh Hóa;

Xét đề nghị của Giám đốc NHCSXH Thanh Hóa tại Công văn số 32/NHCS-KHNv ngày 03/02/2016 về việc đề nghị phân bổ chỉ tiêu kế hoạch tín dụng năm 2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh, phân bổ chỉ tiêu kế hoạch tín dụng năm 2016 cho Phòng giao dịch NHCSXH huyện Thọ Xuân.

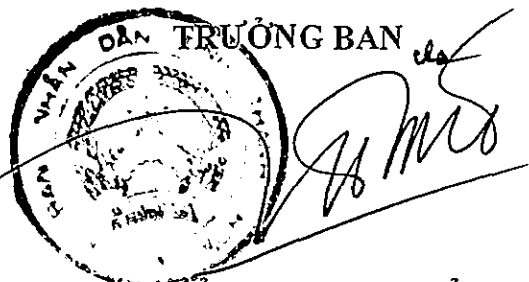
(Có Phụ lục chi tiết kèm theo)

Điều 2. Giám đốc Phòng giao dịch NHCSXH huyện Thọ Xuân trình Trưởng Ban đại diện HĐQT NHCSXH huyện Thọ Xuân phân bổ chỉ tiêu kế hoạch tín dụng năm 2016 được giao theo nội dung tại Điều 1 Quyết định này theo đúng quy định cho các đơn vị trực thuộc để triển khai thực hiện.

Điều 3. Giám đốc NHCSXH tỉnh, Trưởng Ban Đại diện HĐQT NHCSXH Thọ Xuân, Giám đốc Phòng giao dịch NHCSXH huyện Thọ Xuân và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 Quyết định;
- Lưu: VT, KTTT (HungYT).



PHÓ CHỦ TỊCH UBND TỈNH
Lê Thị Thìn

PHỤ LỤC

Điều chỉnh, phân bổ chỉ tiêu KHTD năm 2016 cho Phòng giao dịch

Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Thọ Xuân

(Kèm theo Quyết định số 87/QĐ-BDD ngày 07/02/2016 của

Trưởng Ban đại diện HĐQT NHCSXH tỉnh Thanh Hoá)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Chỉ tiêu tăng	Chỉ tiêu kế hoạch năm 2016
I	Kế hoạch dư nợ (KHA)	13.000	
1	Cho vay hộ nghèo	2.000	104.963
2	Cho vay hộ cận nghèo	5.000	73.963
3	Cho vay hộ mới thoát nghèo	4.000	20.685
4	Cho vay Nước sạch & VSMTNT	2.000	54.695
II	Kế hoạch nguồn vốn	5.400	
1	Tiền gửi của tổ chức và cá nhân	4.000	22.896
2	Tiền gửi của tổ viên tổ TK&VV	1.400	10.927